

PHỤ LỤC II
SỐ VỊ TRÍ ĐO CỦA HỆ THỐNG PHÒNG SẠCH THÍ NGHIỆM VI SINH

STT	Tên Phòng	Diện tích, m2	Cấp sạch	Màng lọc (dự kiến 1 lọc/phòng)	Vị trí hạt 0.5; 5 gm	Vị trí VSV	Vị trí ánh sáng (tối đa)	Nhiệt ẩm (Tối thieu)	Độ ồn	Trao đổi khí	Chênh áp
1	Hành lang	27	C	0	0	0	0	0	0	1	1
2	Phòng Hấp bỏ	10.9	C	0	0	0	0	0	0	1	1
3	Phòng thay đồ lần 1	3.1	NA	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Phòng Nuôi chủng	10.8	C	0	0	0	0	1	1	1	1
5	Phòng ĐLKS	10.8	B	1	5	5	5	1	1	1	1
6	Phòng Nhiễm khuẩn mẫu TP	12	B	1	5	5	5	1	1	1	1
7	Phòng Nhiễm khuẩn mẫu Dược	10.8	B	1	5	5	5	1	1	1	1
8	Phòng Thay đồ 1	5.7	B	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Phòng Độ Vô trùng	4.1	B	1	5	5	5	1	1	1	1
10	Phòng Thay đồ 2	5.7	C	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Phòng Chuẩn bị MT	7.9	D	0	0	0	0	1	0	1	1
12	Phòng Thay đồ 3	4	NA	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG		112.8		4	20	20	20	6	6	8	8
Tài liệu tham khảo					ISO 14644 1	ISO 14644 1	NEBB (2009)	ISO 14644 3	ISO 14644 3	ISO 14644 3	ISO 14644 3